TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2019/DSST
Ngày: 19-4-2019
Về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lưu Hùng Phương
2/ Ông Nguyễn Xuân Quỹ

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hoài Thương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa***: Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2019/TLST - DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1965; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1974; Bà Võ Thị N, sinh năm 1974; Cùng trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(ông N có mặt; bà N vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:

Khoảng tháng 5/2016, ông có cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh N, bà Võ Thị N vay số tiền 80.000.000 đồng, không tính lãi suất, thời hạn vay là 03 tháng và hai bên không có lập giấy tờ gì. Từ lúc vay cho đến nay, vợ chồng ông N thanh toán được số tiền 30.000.000 đồng, hiện còn nợ lại số tiền 50.000.000 đồng.

Nay nguyên đơn ông Lê Văn T yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thanh N, bà Võ Thị N cùng có trách nhiệm trả số tiền 50.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Theo tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay

bị đơn ông Nguyễn Thanh N trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của ông Lê Văn T về thời gian vay, số tiền vay, lãi suất. Hiện nay, vợ chồng ông còn nợ ông T số tiền 50.000.000 đồng. Nay vợ chồng ông đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Võ Thị N vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông N, bà N phải trả cho ông T số tiền là 50.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông T yêu cầu bị đơn vợ chồng ông N, bà N có trách nhiệm thanh toán số tiền 50.000.000 đồng. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*".

[1.2] Về việc tham gia tố tụng: Bị đơn bà Võ Thị N được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Về nợ gốc: Khoảng tháng 5/2016, ông T và vợ chồng ông N, bà N có xác lập hợp đồng vay tài sản. Nội dung: Ông T cho vợ chồng ông N, bà N vay số tiền là 80.000.000 đồng, không thỏa thuận tính lãi suất, thời hạn vay là 03 tháng, hai bên không lập giấy tờ gì. Quá trình vay, vợ chồng ông N thanh toán được số tiền 30.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 50.000.000đồng. Nay nguyên đơn ông T yêu cầu bị đơn vợ chồng ông N, bà N cùng có trách nhiệm trả số tiền 50.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bị đơn bà N được Tòa án triệu tập để tham gia giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Bị đơn ông N thừa nhận vợ chồng có vay số tiền trên, bà N biết vợ chồng có vay số tiền này và mục đích vay tiền để phát triển kinh tế, phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Ông N

xác định còn nợ ông T số tiền 50.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, nguyên đơn ông T yêu cầu vợ chồng ông N, bà N cùng có trách nhiệm trả số tiền 50.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] *Về lãi suất:* Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí dân sự*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng ông N, bà N phải chịu án phí trên số tiền của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[4] Từ những căn cứ trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện cuả nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông N, bà N có trách nhiệm trả cho ông T số tiền 50.000.000 đồng là có cơ sở, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 , Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 305, Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Điều 27, Điều Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về việc đòi nợ đối với vợ chồng ông Nguyễn Thanh N, bà Võ Thị N.

2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh N, bà Võ Thị N cùng có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn T số tiền là 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Vợ chồng ông Nguyễn Thanh N, bà Võ Thị N phải nộp 2.500.000đồng.

Ông Lê Văn T được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 001311 ngày 08/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật

Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Tuyên án công khai, có mặt nguyên đơn, bị đơn ông N; vắng mặt bị đơn bà N.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TPCT;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG X ÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy **Lương Hùng Dũng** **Võ Minh Phụng**